

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC TRẺ ĐỢT II
NĂM HỌC: 2025-2026; Ngày cân (10/12/2025)

* TỔNG TOÀN TRƯỜNG:

STT	TÊN KHỐI LỚP	TS TRẺ	CÂN NẶNG			CHIỀU CAO			BMI/Cân nặng theo chiều dài/chiều cao	
			Kênh BT	SDD nhẹ cân	SDD nhẹ cân MĐ nặng	Kênh BT	SDD thể thấp còi	SDD thể TC MĐ nặng	Kênh BT	SDD thể gầy còm
1	Nhà trẻ	69	67	2		64	5		69	0
2	Mẫu Giáo	190	179	11		178	12		190	0
TỔNG		259	246	13		242	17		259	0
TỶ LỆ (%)			95	5		93.4	6.6		100	0

* KHỐI LỚP MẪU GIÁO

STT	TÊN LỚP	TS TRẺ	CÂN NẶNG			CHIỀU CAO			BMI/Cân nặng theo chiều dài/chiều cao	
			Kênh BT	SDD nhẹ cân	SDD nhẹ cân MĐ nặng	Kênh BT	SDD thể thấp còi	SDD thể TC MĐ nặng	Kênh BT	SDD thể gầy còm
1	MG Lớn Trung Tâm	34	32	2		31	3		34	0
2	MG Nhỡ	26	24	2		25	1		26	0
3	MG Bé	14	13	1		13	1		14	0
4	MGG Na Sang 1	21	19	2		19	2		21	0
5	MGG Na Sang 2	12	12	0		12	0		12	0
6	MGG Pá Bông	12	12	0		12	0		12	0
7	MGG Ten Núa	13	13	0		12	1		13	0
8	MGG Tin Lán A	20	18	2		19	1		20	0

9	MGG Tin Lán B	6	6	0		6	0		6	0
10	MGG Huỗi Hua	32	30	2		29	3		29	0
TỔNG		190	179	11		178	12		190	0
TỶ LỆ (%)			94.2	5.8		93.7	6.3		100	0

* KHỐI LỚP NHÀ TRẺ

STT	TÊN LỚP	TS TRẺ	CÂN NẶNG			CHIỀU CAO			Cân nặng theo chiều dài/chiều cao	
			Kênh BT	SDD nhẹ cân	SDD nhẹ cân MĐ nặng	Kênh BT	SDD thể thấp còi	SDD thể TC MĐ nặng	Kênh BT	SDD thể gầy còm
1	Nhà Trẻ A	30	29	1		27	3		30	0
2	NHà Trẻ Na Sang 1	14	13	1		13	1		14	0
3	Nhà Trẻ Pá Bông	8	8	0		8	0		8	0
4	Nhà Trẻ Tin Lán A	7	7	0		7	0		7	0
5	Nhà Trẻ Huỗi Hua	10	10	0		9	1		10	0
TỔNG		69	67	2		64	5		69	0
TỶ LỆ (%)			97.1	2.9		92.8	7.2		100	0

Nhân viên Y tế



Lường Thị Trâm

Ngày 10 Tháng 12 Năm 2025

Hiệu Trưởng



Triệu Thùy Chinh